

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh
của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; Chỉ thị số 29/2007/CT-TTg ngày 11/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện cải cách hành chính trong công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, công dân; Thông tư số 02/2008/TT-BNG ngày 04/02/2008 của Bộ Ngoại giao về hướng dẫn việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở trong nước và ở nước ngoài theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

Thực hiện Quyết định số 17/QĐ-TW ngày 10/12/1998 của Bộ Chính trị quy định về nhiệm vụ của Đảng viên khi ra nước ngoài;

Thực hiện Quyết định số 556-QĐ/TU ngày 12/11/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Tờ trình số 165/TTr-SNgV ngày 14 tháng 10 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quy định này gồm 06 chương, 28 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 35/2007/QĐ-UBND ngày 15/5/2007 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Ngoại vụ, Nội vụ, Tài chính, Công an tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên thuộc tỉnh, công ty cổ phần được chuyển đổi từ DNNN và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ; Bộ ngoại giao (*Vụ pháp chế*);
- Văn phòng Chính phủ (*Vụ địa phương*);
- Website Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra văn bản*);
- Cục Lãnh sự; Sở Ngoại vụ tp. HCM;
- Cục Quản lý xuất nhập cảnh (*A18*);
- TTr TU; TTr HĐND tỉnh (*để b/c*);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy; Ban TCTU;
- Đảng ủy khối Dân – Chính – Đảng;
- Đảng ủy Khối Doanh nghiệp;
- Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy;
- Sở Tư pháp (*để theo dõi*);
- UBND các huyện, TP, TX;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Báo Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT. **N6**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Minh Sanh

QUY ĐỊNH

Về quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ,
công chức, viên chức, nhân viên thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 78 /2008/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 12 năm của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định này quy định về các nội dung và thẩm quyền quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên (kể cả người trong diện hợp đồng dài hạn từ 01 năm trở lên) đang làm việc tại các tổ chức sau:

1. Cơ quan HĐND, UBND cấp tỉnh.
2. Cơ quan HĐND, UBND cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) và cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).
3. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh.
4. Các cơ quan, tổ chức thuộc khối Đảng, Chính quyền, Mặt trận, Đoàn thể các cấp.
5. Các tổ chức Hội được Nhà nước giao biên chế, quỹ lương.
6. Các doanh nghiệp nhà nước hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích (gọi tắt là DNNN), công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chuyển đổi từ DNNN thuộc tỉnh (gọi tắt là công ty TNHH một thành viên), công ty cổ phần được chuyển đổi từ DNNN (gọi tắt là công ty cổ phần).

Điều 2. Việc xuất cảnh của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên được nêu tại quy định này bao gồm:

1. Xuất cảnh vì việc công: cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên được cơ quan, đơn vị cử đi công tác, tham quan, học tập, đào tạo bồi dưỡng ở nước ngoài.
2. Xuất cảnh vì việc riêng: cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên có nguyện vọng xin đi học tập, chữa bệnh, tham quan du lịch, thăm thân nhân ở nước ngoài.

Điều 3.

1. Các cơ quan, đơn vị, khi đề nghị cử hoặc cho phép cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên xuất cảnh vì việc công phải vừa đảm bảo tăng cường mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác phát triển lành mạnh giữa nước ta với nước ngoài trong các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội vừa đảm bảo tình hình an ninh quốc gia.

2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên xin đi xuất cảnh vì mục đích định cư nước ngoài thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đương sự đó có trách nhiệm lập thủ tục thôi việc, giải quyết mọi chế độ, chính sách liên quan đến đương sự xin xuất cảnh và đương sự liên hệ với Công an tỉnh (qua phòng Quản lý xuất nhập cảnh) để được hướng dẫn theo quy định hiện hành.

Điều 4. Việc sử dụng kinh phí cho mục đích xuất cảnh được quy định như sau:

1. Nghiêm cấm sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước hoặc công quỹ để chi cho mục đích xuất cảnh vì việc riêng.

2. Chỉ sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước hoặc công quỹ cho các trường hợp xuất cảnh vì việc công có mục đích rõ ràng, cần thiết và phù hợp với công tác chuyên môn của nhân sự được cử xuất cảnh trong các trường hợp cụ thể sau:

a) Đối với các cơ quan HĐND, UBND các cấp; Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh (trừ sự nghiệp có thu tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động) thuộc tỉnh và các cơ quan, tổ chức thuộc khối Đảng, Chính quyền, Mặt trận, Đoàn thể các cấp: Khi cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên xuất cảnh vì việc công theo yêu cầu đột xuất hoặc theo chương trình kế hoạch hàng năm của tỉnh, theo thư mời của các cơ quan Bộ, Ngành có mục đích chuyên đi cụ thể và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị thì được ngân sách nhà nước đài thọ kinh phí theo quy định.

Việc sử dụng kinh phí từ nguồn thu được trích để lại theo quy định của các cơ quan hành chính hay đơn vị sự nghiệp để chi cho việc xuất cảnh vì việc công phải được sự đồng ý của UBND tỉnh.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động: kinh phí xuất cảnh được chi trong dự toán kế hoạch tài chính hàng năm của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Đối với DNNN, Công ty TNHH một thành viên, công ty cổ phần thuộc tỉnh: kinh phí xuất cảnh được chi theo quy định về chế độ tài chính kế toán của doanh nghiệp. Khi sử dụng kinh phí để chi cho việc xuất cảnh vì việc công, đơn vị cần phải cân nhắc và lựa chọn đúng đối tượng, thành phần để cử đi, không được dùng công quỹ (toàn bộ hoặc một phần) để chi cho những cá nhân cùng đi không liên quan đến mục đích và nhiệm vụ của chuyến đi.

3. Các cơ quan được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ xin xuất cảnh có trách nhiệm xem xét cụ thể đối tượng xuất cảnh, mục đích chuyến đi và nguồn kinh phí xuất cảnh để giải quyết hoặc đề xuất UBND tỉnh giải quyết theo đúng quy định.

4. Cơ quan tài chính các cấp có liên quan chịu trách nhiệm kiểm soát, thanh quyết toán các khoản chi của các đối tượng xuất cảnh theo đúng quy định, không được quyết toán kinh phí xuất cảnh không theo đúng quy định này và quy định về chế độ tài chính, kế toán hiện hành. Trong những trường hợp đặc biệt phải xin ý kiến của UBND tỉnh.

Điều 5. Số lần cử hoặc cho phép cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên xuất cảnh trong một năm được quy định như sau:

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh do nhu cầu cần thiết được phép xuất cảnh vì việc công không quá 02 lần trong một năm, trong những trường hợp thật cần thiết, căn cứ vào tình hình cụ thể, các cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên có thể được phép xuất cảnh hơn 02 lần nhưng phải có ý kiến đồng ý của UBND tỉnh.

2. Đối với cán bộ, viên chức, nhân viên công tác tại các DNNN, công ty TNHH một thành viên thuộc tỉnh được phép xuất cảnh theo nhu cầu công tác của đơn vị, nhưng phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận của đơn vị.

Chương II

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CHO PHÉP XUẤT CẢNH

Điều 6. Chủ tịch UBND tỉnh xem xét và ký quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh vì việc công hoặc vì việc riêng đối với các đối tượng sau đây:

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh; Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
2. Chánh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân tỉnh; Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Trưởng, Phó các Ban thuộc Tỉnh ủy; Giám đốc, Phó Giám đốc các Sở; Trưởng, Phó cơ quan hành chính cấp tỉnh; Trưởng, Phó đơn vị sự nghiệp do UBND tỉnh trực tiếp quản lý; Trưởng, Phó các Ban HĐND tỉnh và Ủy viên thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh.
3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch các Hội thuộc tỉnh quản lý.
4. Bí thư, Phó Bí thư cấp huyện.
5. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh.
6. Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng DNNN thuộc tỉnh.
7. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH một thành viên thuộc tỉnh.
8. Công chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương.
9. Các đối tượng được UBND tỉnh cử sang làm việc tại các tổ chức xã hội, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam hoặc cử sang giữ phần vốn góp của nhà

nước trong các công ty cổ phần, trong các doanh nghiệp liên doanh khác thuộc tỉnh.

Điều 7. Ngoài các đối tượng nêu tại Điều 6 của quy định này, đối với việc cử hoặc cho phép xuất cảnh các đối tượng còn lại, Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho các cơ quan sau:

1. Giám đốc Sở Ngoại vụ tỉnh xem xét và ký quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh vì *việc công* đối với *cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên (kể cả người trong diện hợp đồng dài hạn từ 01 năm trở lên) đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị được quy định tại khoản 1,2,3,4,5 Điều 1 quy định này và các đối tượng sau đây:*

1.1. Chánh, Phó chánh Văn phòng; Trưởng, Phó các Ban thuộc khối Đảng cấp huyện.

1.2. Trưởng, Phó các Ban thuộc HĐND cấp huyện.

1.3. Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng DNNN thuộc tỉnh nay đã chuyển thành công ty cổ phần.

1.4. Trưởng, Phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các Sở, Ban, Ngành; Huyện, Thị, Thành phố.

1.5. *Trưởng, Phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc đơn vị sự nghiệp do UBND tỉnh trực tiếp quản lý.*

1.6. Trưởng, Phó các phòng chuyên môn thuộc các Sở, Ban, Ngành; Huyện, Thị, Thành phố.

1.7. Các cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên của các cơ quan, đơn vị được cử đi nghiên cứu, học tập, đào tạo (dưới 6 tháng) hoặc được cử đi công tác nước ngoài.

2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh xem xét và ký quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh vì việc riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên đang làm việc tại:

- Sở, Cơ quan hành chính cấp tỉnh.

- Các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp do Sở, Cơ quan hành chính cấp tỉnh quản lý trực tiếp.

- Các DNNN được UBND tỉnh ủy quyền cho Sở thực hiện chức năng quản lý Nhà nước.

3. Chủ tịch UBND huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh xem xét và ký quyết định cho phép xuất cảnh vì việc riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên đang làm việc tại:

- Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Các cơ quan, tổ chức thuộc khối Đảng, Chính quyền, Mặt trận, Đoàn thể

cấp xã (kể cả cán bộ không chuyên trách).

- Các tổ chức Hội cấp huyện được Nhà nước giao biên chế - quỹ lương (nếu có).

Điều 8. Công an tỉnh (qua phòng Quản lý xuất nhập cảnh) có trách nhiệm:

1. Trực tiếp tiếp nhận, xem xét và trình cấp có thẩm quyền giải quyết cho các trường hợp có nhu cầu xuất cảnh để định cư nước ngoài, sau khi đương sự xin xuất cảnh đã hoàn tất các thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 3 của quy định này.

2. Công an tỉnh có trách nhiệm xem xét về mặt an ninh đối với tất cả các đối tượng xin xuất cảnh. Trường hợp phát hiện đương sự xin xuất cảnh thuộc diện chưa được phép xuất cảnh quy định tại Điều 21 của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ phải thông báo cho các cấp có thẩm quyền và cơ quan quản lý trực tiếp đương sự biết đồng thời thực hiện các thủ tục để đình chỉ xuất cảnh theo thẩm quyền.

Chương III

QUẢN LÝ NHÂN SỰ XUẤT CẢNH VÀ QUẢN LÝ HỘ CHIẾU

Điều 9. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đề nghị hoặc quyết định cho phép cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên xuất cảnh vì việc công hoặc việc riêng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nhân sự xuất cảnh. Việc mang tài liệu ra nước ngoài hoặc mang tài liệu từ nước ngoài về nước phải chấp hành đúng các quy định của Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 10. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên ra nước ngoài không về nước đúng thời hạn thì chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày quá hạn, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý nhân sự xuất cảnh đó phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh (qua Sở Ngoại vụ) để xử lý vi phạm theo quy định hiện hành. Đồng thời, Sở Ngoại vụ có trách nhiệm thông báo cho Công an tỉnh, Sở Nội vụ, Bộ Công an (qua Cục Quản lý xuất nhập cảnh) và Bộ ngoại giao hoặc Cục lãnh sự (qua Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh) để biết và phối hợp quản lý.

Nếu nhân sự ở lại nước ngoài là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý nhân sự xuất cảnh có trách nhiệm báo cáo với cấp uỷ cùng cấp để xử lý theo quy định của điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

Điều 11. Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao trách nhiệm quản lý hộ chiếu ngoại giao, công vụ cụ thể như sau:

1. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tổ chức quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của các đối tượng:

- Các đối tượng do UBND tỉnh ký quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh nêu tại Điều 6 của quy định này.

- Cấp Trưởng, Phó các đơn vị sự nghiệp do UBND tỉnh quản lý trực tiếp

(kể cả đơn vị sự nghiệp trực thuộc đơn vị này).

- Cấp Trưởng, Phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các Sở, Ban, Ngành; Huyện, Thị, Thành phố.

2. Các Sở, các cơ quan hành chính cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức quản lý hộ chiếu công vụ của các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên được quy định tại khoản 1, 2, Điều 7 của quy định này (ngoại trừ các đối tượng thuộc điểm 1.4 và 1.5, khoản 1, Điều 7).

3. UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm tổ chức quản lý hộ chiếu công vụ của các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên được quy định tại khoản 1, 3, Điều 7 của quy định này (ngoại trừ các đối tượng thuộc điểm 1.4 và 1.5, khoản 1, Điều 7).

Điều 12.

1. Hộ chiếu ngoại giao, công vụ là tài sản của nhà nước, tất cả các cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thuộc các đối tượng xuất cảnh theo quy định này, sau 07 ngày kể từ khi nhập cảnh về nước phải có trách nhiệm nộp lại hộ chiếu cho cơ quan quản lý hộ chiếu tại Điều 11 của quy định này để quản lý.

2. Trong trường hợp hộ chiếu ngoại giao, công vụ do đương sự đang giữ bị thất lạc phải kịp thời báo cáo cho cấp có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị biết để báo cho Sở Ngoại vụ tỉnh. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm gửi văn bản thông báo cho Bộ Ngoại giao (thông qua Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh) danh sách nhân sự, những người trình báo mất hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ để hủy giá trị sử dụng.

3. Những cá nhân không nộp lại hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ; không báo cáo khi mất hộ chiếu theo quy định trên là vi phạm pháp luật và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng, bảo quản hộ chiếu.

4. Giữ gìn và sử dụng hộ chiếu phổ thông đúng pháp luật là quyền và trách nhiệm của cá nhân được cấp hộ chiếu. Các cơ quan, đơn vị không thu giữ và quản lý hộ chiếu phổ thông của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên kể cả khi ở trong nước cũng như khi ở nước ngoài.

5. Hộ chiếu phổ thông của công dân chỉ bị thu giữ trong trường hợp người mang hộ chiếu vi phạm pháp luật Việt Nam, bị cơ quan có thẩm quyền quyết định thu giữ.

Điều 13. Nội dung quản lý hộ chiếu:

Thủ trưởng các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý hộ chiếu có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

1. Thu giữ và quản lý hộ chiếu ngoại giao, công vụ của đương sự sau mỗi chuyến xuất cảnh.

2. Chỉ giao lại hộ chiếu cho các đối tượng xuất cảnh theo đúng quy định tại

Điều 14 của quy định này khi có quyết định cho phép xuất cảnh của cấp có thẩm quyền.

3. Các cơ quan chủ quản cần bảo đảm các cá nhân được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ phù hợp với tính chất của chuyến đi nước ngoài theo mục đích công vụ, không sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ vào mục đích kinh doanh, du lịch thăm thân nhân và các mục đích khác không mang tính chất công vụ.

4. Các cơ quan đơn vị có nhân sự xuất cảnh, sau khi nhập cảnh về nước cố tình không giao hộ chiếu cho cơ quan quản lý hộ chiếu cần phải thông báo ngay cho Sở Ngoại vụ tỉnh, Sở Ngoại vụ có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản đến UBND tỉnh để báo cáo, đồng thời gửi thông báo đến đương sự, đề nghị giao lại hộ chiếu công vụ cho cơ quan có thẩm quyền quản lý.

5. Làm thủ tục chuyển hộ chiếu (nếu hộ chiếu còn giá trị) của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên sang cho cơ quan, đơn vị mới có trách nhiệm quản lý hộ chiếu theo quy định nếu đương sự đó được chuyển công tác đến cơ quan khác hoặc đơn vị của đương sự đó được chuyển sang cấp quản lý khác không thuộc phạm vi quản lý được quy định tại Điều 11 của quy định này.

6. Làm thủ tục chuyển cho cơ quan có thẩm quyền cấp hộ chiếu để hủy hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ khi cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên đã nghỉ hưu, thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động, và bị chết, bị mất tích... mà hộ chiếu đã cấp cho họ vẫn còn giá trị sử dụng.

7. Khi hộ chiếu còn thời hạn sử dụng từ 06 tháng trở xuống, phải ra thông báo cho đương sự có hộ chiếu biết để chủ động thay đổi hộ chiếu trong lần xuất cảnh tiếp theo.

8. Phải lập biên lai giao, nhận hộ chiếu, sổ quản lý hộ chiếu và việc giao, nhận hộ chiếu rõ ràng, đầy đủ.

9. Thực hiện chương trình quản lý hộ chiếu bằng tin học đảm bảo khoa học và hiệu quả.

10. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình quản lý và sử dụng hộ chiếu định kỳ 6 tháng, năm và đột xuất theo Điều 20 của quy định này.

Điều 14. Các đối tượng được cấp và sử dụng hộ chiếu ngoại giao, công vụ để xuất cảnh:

1. Những đối tượng khi xuất cảnh để thực hiện nhiệm vụ chính thức do cơ quan, tổ chức giao được cấp và sử dụng hộ chiếu ngoại giao để xuất cảnh, bao gồm:

- Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy và Đại biểu Quốc hội của tỉnh,
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh,
- Vợ hoặc chồng, các con dưới 18 tuổi của những đối tượng trên nếu đi cùng hành trình công tác, cùng lưu trú ở nước ngoài với người đó.

2. Những đối tượng được cấp và sử dụng hộ chiếu công vụ để xuất cảnh

là cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức bao gồm:

- Những người do bầu cử để đảm nhiệm chức vụ theo nhiệm kỳ trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh; ở huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

- Công chức trong các cơ quan Nhà nước;

- Công chức dự bị được phân công làm việc trong các cơ quan Nhà nước;

- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

- Cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã, phường, thị trấn;

- Thẩm phán Tòa án nhân dân; Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân.

3. Những đối tượng không thuộc diện quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này được sử dụng hộ chiếu phổ thông để xuất cảnh vì việc công.

4. Tất cả các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên khi xuất cảnh vì việc riêng chỉ được sử dụng hộ chiếu phổ thông để xuất cảnh.

5. Trong một số trường hợp cần thiết, do nhu cầu nhiệm vụ và tính chất chuyển đi công tác, UBND tỉnh xem xét đề nghị Bộ Ngoại giao cấp hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ cho các đối tượng ngoài diện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

6. Việc cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thuộc tỉnh sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông để xuất cảnh không đúng mục đích và không có quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép xuất cảnh là vi phạm quy định của luật pháp nước CHXHCN Việt Nam.

Chương IV

QUY TRÌNH, THỦ TỤC XỬ LÝ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XUẤT CẢNH

Điều 15. Xây dựng kế hoạch và phê duyệt kế hoạch xuất cảnh:

1. Đối với việc xuất cảnh vì việc công có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước đều phải xây dựng kế hoạch xuất cảnh hàng năm và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kế hoạch xuất cảnh phải thể hiện đầy đủ mục đích, nội dung, chương trình cần khảo sát, nghiên cứu, học tập; thành phần, thời gian và nguồn kinh phí xuất cảnh.

2. Các cơ quan hành chính cấp tỉnh, UBND huyện, thị, thành phố có trách nhiệm xây dựng và tổng hợp kế hoạch xuất cảnh của cán bộ công chức hành chính và viên chức sự nghiệp trong các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Thời gian xây dựng kế hoạch xuất cảnh năm sau hoàn thành và gửi về Sở Ngoại vụ tỉnh trước ngày 15 tháng 10 của năm trước.

3. Các DNNN thuộc tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch xuất cảnh hàng năm của đơn vị để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Thời gian xây dựng kế hoạch xuất cảnh năm sau phải hoàn thành và gửi về Sở Tài chính tỉnh

trước ngày 15 tháng 10 của năm trước.

4. Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính có trách nhiệm:

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh xây dựng kế hoạch xuất cảnh.
- Tổng hợp kế hoạch xuất cảnh của các cơ quan hành chính cấp tỉnh, UBND huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh.

- Xem xét, thẩm định và tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch xuất cảnh của các cơ quan hành chính cấp tỉnh, UBND huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh, DNNN thuộc tỉnh vào trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Điều 16. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị xuất cảnh:

1. Sở Ngoại vụ là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét giải quyết các thủ tục xuất cảnh đối với các đối tượng do Sở Ngoại vụ quản lý hộ chiếu nêu tại khoản 1, Điều 11 của quy định này.

2. Các Sở, cơ quan hành chính cấp tỉnh là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét giải quyết các thủ tục xuất cảnh đối với các đối tượng do các Sở, Cơ quan hành chính cấp tỉnh quản lý hộ chiếu nêu tại khoản 2, Điều 11 của quy định này.

3. Văn phòng HĐND và UBND thuộc UBND các huyện, thị, thành phố là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét giải quyết các thủ tục xuất cảnh đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền cho phép xuất cảnh của UBND các huyện, thị, thành phố và quản lý hộ chiếu công vụ của các đối tượng nêu tại khoản 3, Điều 11 của quy định này.

Điều 17. Quy trình xử lý hồ sơ xuất cảnh tại cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý hồ sơ xin xuất cảnh:

Bước 1: Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý hồ sơ xin xuất cảnh khi nhận đầy đủ các loại giấy tờ xin xuất cảnh được nêu tại Điều 18 của quy định này, có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch xuất cảnh được phê duyệt hàng năm để xem xét và không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, phải xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: thì tiến hành gửi thông báo bằng văn bản về việc đương sự xin xuất cảnh đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an và Công an tỉnh để các cơ quan trên biết và xử lý theo chức năng đã nêu tại khoản 2, Điều 8 của quy định này và gửi UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ tỉnh để theo dõi quản lý. Đồng thời, lập thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc ra quyết định cử, cho phép đương sự xuất cảnh theo quy định, trong đó chú ý các trường hợp sau:

- +) Đối với trường hợp phải có ý kiến của Thường trực tỉnh ủy: thì dự thảo công văn của UBND tỉnh xin ý kiến của Thường trực tỉnh ủy.

- +) Đối với các trường hợp có sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước hoặc công quỹ phải xin ý kiến của UBND tỉnh: thì cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên đi nước ngoài cần dự thảo văn bản trình UBND

tình đề xin ý kiến về kinh phí (có bản dự trù kinh phí kèm theo).

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: thì có văn bản trả lời cho cơ quan, đơn vị đề nghị biết hoặc dự thảo văn bản báo cáo UBND tỉnh đề UBND tỉnh trả lời đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh. Trong đó chú ý đến trường hợp sau:

Nếu đề nghị xuất cảnh không nằm trong kế hoạch được phê duyệt hàng năm, cơ quan thụ lý hồ sơ cần xem xét cụ thể, nếu thấy hợp lý thì dự thảo văn bản trình UBND tỉnh xin ý kiến (đồng thời dự thảo thảo văn bản cho phép của UBND tỉnh kèm theo); trường hợp xét thấy không hợp lý thì có văn bản trả lời trực tiếp cho đơn vị đề nghị.

Bước 2: Đối với các trường hợp phải xin ý kiến UBND tỉnh về kinh phí hoặc trình UBND tỉnh văn bản xin ý kiến Thường trực tỉnh ủy: thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đồng ý về kinh phí của UBND tỉnh hoặc văn bản đồng ý của Thường trực tỉnh ủy thì cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý hồ sơ xin xuất cảnh dự thảo quyết định trình UBND tỉnh hoặc ra quyết định cử, cho phép đương sự xuất cảnh theo quy định.

Trường hợp Ban Thường vụ Tỉnh ủy không đồng ý hoặc UBND tỉnh không đồng ý về kinh phí thì có văn bản trả lời cho đơn vị đề nghị xuất cảnh được biết.

Điều 18. Thời gian hoàn thành việc xử lý hồ sơ đề nghị xuất cảnh phải theo đúng các quy định sau:

1. Đối với các đối tượng do UBND tỉnh quyết định cử đi hoặc cho phép xuất cảnh không quá 08 ngày làm việc/1 lượt kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nêu tại Điều 18 của Quy định này (không kể thời gian chờ xin ý kiến của Thường trực tỉnh ủy và ý kiến về kinh phí của UBND tỉnh), trong đó:

a) Sở Ngoại vụ xử lý hồ sơ đề trình UBND tỉnh trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cá nhân, đơn vị.

b) UBND tỉnh xử lý và ban hành quyết định cho phép hoặc trả lời không cho phép hoặc ký văn bản xin ý kiến của Thường trực tỉnh ủy không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Ngoại vụ tỉnh xử lý hồ sơ trình ký.

2. Đối với các đối tượng do Giám đốc Sở Ngoại vụ, Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan hành chính cấp tỉnh quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh: không quá 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cá nhân, đơn vị (không kể thời gian chờ ý kiến về kinh phí của UBND tỉnh).

Điều 19. Hồ sơ đề nghị xin xuất cảnh gửi cho các cơ quan được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ xuất cảnh phải đầy đủ các loại giấy tờ hợp lệ sau đây và phải gửi trước thời điểm xuất cảnh ít nhất là 13 ngày làm việc (đối với những đối tượng có hộ chiếu còn giá trị), ít nhất là 17 ngày làm việc (đối với những đối tượng chưa có hộ chiếu hoặc có hộ chiếu còn giá trị từ 06 tháng trở xuống):

1. Bản chính công văn đề nghị của Thủ trưởng đơn vị trực tiếp sử dụng cán

bộ, công chức, viên chức, nhân viên xin xuất cảnh.

2. Bản chính công văn đồng ý của các cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp (thủ tục này chỉ có trong những trường hợp xuất cảnh thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Giám đốc Sở Ngoại vụ), cụ thể như sau:

- Đơn vị sự nghiệp do UBND tỉnh trực tiếp quản lý: nếu đơn vị đề nghị là các đơn vị sự nghiệp trực thuộc của tổ chức này.

- Sở hoặc cơ quan hành chính cấp tỉnh: nếu đơn vị đề nghị là các đơn vị sự nghiệp trực thuộc hoặc DNNN được UBND tỉnh ủy quyền cho Sở hoặc cơ quan hành chính cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trực tiếp về tổ chức và nhân sự.

- UBND huyện nếu đơn vị đề nghị là các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, DNNN thuộc huyện.

3. Bản chính đơn xin xuất cảnh của cá nhân (đối với trường hợp xuất cảnh vì việc riêng).

4. Bản sao thư mời hoặc các văn bản khác có liên quan đến mục đích xuất cảnh (nếu các văn bản trên viết bằng ngôn ngữ nước ngoài, phải kèm theo bản dịch ra tiếng Việt do các đơn vị có chức năng dịch thuật xác nhận theo quy định).

5. Ý kiến đồng ý bằng văn bản của cấp ủy quản lý trực tiếp nếu đối tượng xin xuất cảnh là Đảng viên Đảng cộng sản Việt nam, cụ thể như sau:

a) Của Thường trực tỉnh ủy đối với các đối tượng sau đây:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

- Chánh, Phó Chánh Văn phòng: Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Tỉnh ủy và UBND tỉnh; Trưởng, Phó các Ban thuộc Tỉnh ủy; Giám đốc, Phó Giám đốc các Sở; Trưởng, Phó cơ quan hành chính cấp tỉnh, Trưởng, Phó đơn vị sự nghiệp do UBND tỉnh trực tiếp quản lý; Trưởng, Phó các Ban HĐND tỉnh và Ủy viên thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch các Hội thuộc UBND tỉnh quản lý.

- Bí thư, Phó Bí thư cấp huyện.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND, HĐND cấp huyện.

- Giám đốc, Phó Giám đốc các DNNN hạng I, hạng II.

b) Của Ban thường vụ Đảng ủy khối nếu Đảng viên là thành viên Ban chấp hành Đảng bộ khối, là cấp ủy viên các tổ chức cơ sở Đảng, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra (trừ các chức danh nêu tại điểm a khoản 5 Điều này) và các đối tượng sau đây:

- Giám đốc, Phó Giám đốc các đơn vị sự nghiệp (trực thuộc các Sở, Ban, Ngành).

- Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng các DNNN hạng I, II nay đã chuyển thành công ty cổ phần.

- Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng các DNNN hạng III, IV, các DNNN chưa xếp hạng (kể cả các DNNN hạng III, IV, các DNNN chưa xếp hạng nay đã chuyển thành công ty cổ phần).

- Trưởng, Phó các phòng chuyên môn thuộc các Sở, Ban, Ngành.

c) Của Ban thường vụ cấp huyện, thị, thành ủy trực thuộc tỉnh đối với các đối tượng sau đây:

- Giám đốc, Phó Giám đốc các đơn vị sự nghiệp (trực thuộc các Huyện, Thị, Thành phố).

- Chánh, Phó chánh Văn phòng; Trưởng, Phó các Ban thuộc khối Đảng cấp huyện.

- Trưởng, Phó các Ban thuộc HĐND cấp huyện.

- Trưởng, Phó các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

d) Của cấp ủy cơ sở Đảng nơi Đảng viên đang sinh hoạt và công tác đối với các đối tượng còn lại ngoài các đối tượng nêu tại điểm a, b, c khoản 5 Điều này.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Chế độ báo cáo:

1. Những cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên sau khi có quyết định cho phép xuất cảnh của cấp có thẩm quyền, nếu không xuất cảnh theo quyết định đó, phải có trách nhiệm báo cáo ngay với cơ quan ra quyết định để hủy quyết định xuất cảnh theo quy định.

2. Tất cả các cá nhân, các đoàn xuất cảnh vì việc công sau khi hoàn tất chuyến đi, trong vòng 07 ngày làm việc, phải báo cáo kết quả chuyến đi cho UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh và các Sở, cơ quan hành chính cấp tỉnh được uỷ quyền xử lý hồ sơ xuất cảnh.

3. Đối với cá nhân là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đi học hoặc công tác dài hạn ở nước ngoài sau khi về nước thì phải chấp hành việc báo cáo về thi hành nhiệm vụ của Đảng viên và tình hình sinh hoạt Đảng ở nước ngoài cho cấp ủy quản lý trực tiếp theo quy định về nhiệm vụ của Đảng viên khi ra nước ngoài của Bộ Chính trị.

4. Cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý hồ sơ xuất cảnh có trách nhiệm sau 02 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn báo cáo kết quả chuyến xuất cảnh hoặc giao nộp hộ chiếu theo quy định thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị có nhân sự xuất cảnh khi về nước không chấp hành quy định này để phối hợp xử lý.

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh uỷ quyền quyết định cho phép cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên xuất cảnh quy định tại điều 7 của quy định này có trách nhiệm gửi quyết định cử hoặc cho phép đương sự xuất

cảnh về Sở Ngoại vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ tỉnh ủy quản lý), Công an tỉnh, Sở Nội vụ, Cục quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ công an và Sở Ngoại vụ Thành Phố Hồ Chí Minh để quản lý, theo dõi *(riêng đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên xuất cảnh vì việc riêng thì các cơ quan, đơn vị không gửi quyết định cử hoặc cho phép đương sự xuất cảnh về Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh)*.

6. Các cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên xuất cảnh cần kịp thời gửi thông báo cử cán bộ đi nước ngoài trước thời gian ra quyết định cho phép cán bộ xuất cảnh ít nhất 02 ngày đến các cơ quan chức năng:

- Đối với trường hợp cán bộ xuất cảnh vì việc công, các cơ quan, đơn vị cần gửi thông báo đến: Cục Quản lý Xuất nhập cảnh – Bộ Công an; UBND tỉnh (để báo cáo); Công an tỉnh; Sở Ngoại vụ; Sở Nội vụ; Phòng PA17, PA25 – Công an tỉnh (để phối hợp).

- Đối với trường hợp cán bộ xuất cảnh vì việc riêng, các cơ quan, đơn vị cần gửi thông báo đến: UBND tỉnh (để báo cáo); Công an tỉnh BR – VT, Sở Ngoại vụ tỉnh, Sở Nội vụ tỉnh, Phòng PA17, PA25 (để phối hợp).

7. Định kỳ tháng, quý, 06 tháng, 01 năm, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ xuất cảnh quy định tại Điều 15 của quy định này có trách nhiệm tổng hợp, thống kê, báo cáo về tình hình và số lượng nhân sự xuất cảnh, tình hình quản lý và sử dụng hộ chiếu của các đối tượng xuất cảnh gửi về Sở Ngoại vụ tỉnh để tổng hợp.

8. Sở Ngoại vụ tỉnh có trách nhiệm tổng hợp báo cáo thống kê về số lượng cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thuộc tỉnh xuất cảnh, nhập cảnh và tình hình quản lý, sử dụng hộ chiếu xuất cảnh theo quy định để báo cáo UBND tỉnh, Bộ Ngoại giao (qua Cục Quản lý xuất nhập cảnh), đồng thời, gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Công an tỉnh, Sở Nội vụ để quản lý.

Điều 21. Việc xem xét, quyết định cho phép xuất cảnh và quản lý nhân sự, quản lý hộ chiếu xuất cảnh phải tuân thủ theo các điều khoản của Quy định này. Mọi trường hợp vi phạm tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật về mặt hành chính từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Công an tỉnh, Sở Ngoại vụ, các Sở, ngành, cơ quan hành chính cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan theo chức năng được giao có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi tổng hợp, báo cáo và kịp thời phát hiện các trường hợp vi phạm để xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 22. Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên ngoài việc bị xử lý kỷ luật về mặt hành chính theo quy định sẽ không được giải quyết cho lần xuất cảnh tiếp theo trong trường hợp sau:

- Đang trong thời hạn bị xem xét xử lý kỷ luật về mặt hành chính.
- Trong thời gian sau từ 01 đến 05 năm tùy theo tính chất vi phạm kỷ luật kể từ khi có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền.

Điều 23. Thẩm quyền và trình tự xử lý kỷ luật:

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên xuất cảnh vi phạm các quy định trên phải kịp thời tiến hành xử lý kỷ luật hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành về thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thuộc tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật:

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được thực hiện theo Pháp lệnh cán bộ công chức và các văn bản khác có liên quan.

b) Đối với Cán bộ lãnh đạo DNNN, Công ty TNHH một thành viên của Nhà nước và các cán bộ được UBND tỉnh cử sang quản lý phần vốn của Nhà nước tại các công ty cổ phần, các doanh nghiệp liên doanh khác thì thực hiện quy trình xử lý kỷ luật theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

c) Đối với nhân viên hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ.CP trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và người lao động trong doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của các văn bản có liên quan hướng dẫn thi hành Bộ Luật lao động.

3. Trách nhiệm của cơ quan ra quyết định xử lý kỷ luật: kịp thời thông báo kết quả và quyết định xử lý kỷ luật cho UBND tỉnh (qua Sở Ngoại vụ). Đồng thời, Sở Ngoại vụ có trách nhiệm thông báo đến các cơ quan có thẩm quyền được biết và phối hợp quản lý.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan hành chính thuộc tỉnh, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo quy định này và có trách nhiệm kiểm tra các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý đối với việc thực hiện các nội dung quản lý xuất nhập cảnh theo quy định.

Điều 25. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm lập thủ tục trình UBND tỉnh ký văn bản thông báo phạm vi ủy quyền, giới thiệu về mẫu con dấu của các cơ quan, chữ ký và chức danh của người có thẩm quyền ký quyết định cử hoặc cho phép đương sự xuất cảnh tại Điều 6, Điều 7 của quy định này đến Bộ Ngoại giao, Sở Ngoại vụ Thành Phố Hồ Chí Minh, Cục Quản lý Xuất Nhập cảnh – Bộ Công an và Công an tỉnh.

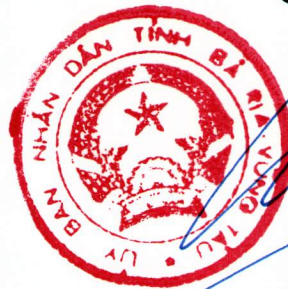
Điều 26. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị được ủy quyền ra quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh, được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ xuất cảnh và quản lý hộ chiếu quy định tại các Điều 7, Điều 11 và Điều 16 của quy định này về các mẫu văn bản liên quan đến quy trình, thủ tục giải quyết xuất cảnh và các biểu mẫu thống kê, báo cáo theo định kỳ, đột xuất về tình hình,

số lượng nhân sự xuất cảnh, tình hình quản lý và sử dụng hộ chiếu theo quy định.

Điều 27. Trong thời gian chờ Tỉnh uỷ ban hành Quy định riêng cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan Đảng, Đoàn thể đi nước ngoài, thì việc giải quyết thủ tục xuất cảnh cho các đối tượng tại quy định này tạm thời do UBND tỉnh hoặc Sở Ngoại vụ giải quyết theo quy định tại Quyết định này cho đến khi có quy định chính thức của tỉnh.

Điều 28. Quy định này được bổ sung, thay đổi khi không còn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và các văn bản quy phạm pháp luật về thẩm quyền quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Minh Sanh